TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26/10/2020
"V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Trĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thêm.
2. Ông Nguyễn Đức Tuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 26/10/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 47/QĐXX - ST, ngày 07/10/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1992 (có mặt).

Nguyên quán: xã AC, huyện AB, tỉnh Nam Định

HKTT: thôn AD, xã AG, huyện K, tỉnh Hưng Yên

Hiện trú tại: thôn AF, xã AE, huyện AH, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh B, sinh năm 1990 (vắng mặt)

HKTT, trú tại: thôn AD, xã AG, huyện K, tỉnh Hưng Yên

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3 Cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 21/11/2017

4. ***Người giám hộ cho cháu C***: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Mạnh B (bố, mẹ đẻ của cháu C).

Đều có HKTT: thôn AD, xã AG, huyện K, tỉnh Hưng Yên

5. ***Người làm chứng***:

1.5 Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: thôn AK, xã AM, huyện AH, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Mạnh B, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú, trú tại thôn AD, xã AG, huyện K, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Trước khi được UBND xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2017 anh, chị đã có thời gian chung sống, đến ngày 21/11/2017 thì sinh cháu Nguyễn Minh C. Sau đó chị chuyển khẩu và về chung sống cùng anh B tại thôn AD, xã AG, vợ chồng chị sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Ngoài ra, anh B là người sống gia trưởng, không tu chí làm ăn; mỗi lần anh B uống rượu vào thì đánh chửi chị thậm tệ. Bản thân chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh B không thay đổi. Đến tháng 9/2020, do mâu thuẫn vợ chồng chị trở nên trầm trọng dẫn đến hai bên sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân, cả hai bên không quan tâm, không chăm sóc nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng hoàn toàn không còn, không thể đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 21/11/2017. Nếu ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con

chung. Hiện tại chị đang làm giáo viên mầm non tại Trường mầm non V, địa chỉ tại phường M, quận N, Hà Nội, thu nhập mỗi tháng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Chị có đủ điều kiện về thời gian, chỗ ăn ở và điều kiện kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, về công sức đóng góp chung với hai bên gia đình và về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Vợ chồng chị không có gì liên quan nên chị không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/9/2020, bị đơn anh Nguyễn Mạnh B trình bày: Về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống đúng như chị A đã trình bày.

Sau khi kết hôn, chị A chuyển khẩu và chung sống cùng anh tại thôn AD, xã AG. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống. Đầu tháng 6/2020, mâu thuẫn vợ chồng anh trở nên trầm trọng, chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện AH, tỉnh Hòa Bình sinh sống. Khi vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn, gia đình và người thân hai bên đã động viên anh chị đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Sau khi chị A bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh có liên lạc với chị A để mong chị trở về đoàn tụ nhưng chị A không đồng ý.

Nay chị A xin ly hôn, anh cũng đồng ý vì anh xác định không thể níu kéo chị A về đoàn tụ chung sống được nữa.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 21/11/2017. Hiện nay, cháu C đang ở với anh. Khi ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu C trưởng thành đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, về công sức đomngs góp chung với hai bên gia đình và về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Vợ chồng anh không có gì liên quan, anh không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/9/2020, người làm chứng là chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị là chị gái ruột của chị Nguyễn Thị A. Năm 2017, gia đình chị tổ chức xây dựng gia đình cho chị A kết hôn cùng anh B, anh, chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Tập, huyện Khoái

Châu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị A chung sống với nhau tại thôn AD, xã AG, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Chị được biết, quá trình chung sống, vợ chồng chị A chỉ hòa thuận được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 9/2019 vợ chồng chị A đã sống ly thân. Bản thân chị cùng gia đình đã hết sức khuyên bảo chị A và anh B đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Nay chị A làm đơn xin ly hôn với anh B, mặc dù gia đình chị không mong muốn chị A và anh B ly hôn nhưng nếu chị A xét thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không thể đoàn tụ chung sống với anh B thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của chị A.

Về con chung: Vợ chồng chị A có một con chung tên là Nguyễn Minh C, sinh ngày 21/11/2017.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp của vợ chồng chị A, chị được biết vợ chồng chị A không có gì liên quan.

Qua xác minh tại UBND xã Đại Tập ngày 06/10/2020 xác định: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Mạnh B xây dựng gia đình trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, anh, chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Tập vào ngày 10/11/2017 (số 33/2017). Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống tại thôn AD, xã AG, huyện Khoái Châu. Quá trình chung sống vợ chồng sảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 21/11/2017. Ngoài ra, chính quyền địa phương còn đưa ra quan điểm về các vấn đề liên quan. Việc chị A xin được ly hôn với anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Nguyễn Thị A vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu xin ly hôn và các quan hệ liên quan như đã khai tại Tòa án trước đây.

- Chị Nguyễn Thị D giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho cho chị A được ly hôn với anh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 21/11/2017 cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn, anh B được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị A, anh B đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 31/8/2020, chị Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện anh Nguyễn Mạnh B, xin được ly hôn và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan. Anh Nguyễn Mạnh B có hộ khẩu thường trú, trú tại thôn AD, xã AG, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 227;

khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Mạnh B kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã được UBND xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2017 (số 33/2017), do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, lối sống dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị A cương quyết xin được ly hôn, anh B khẳng định vợ chồng có sảy ra mâu thuẫn, sau khi ly thân anh có động viên nhưng chị A cương quyết không đoàn tụ, vì vậy anh cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống, hạnh phúc gia đình của anh, chị đang ở trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho chị A được ly hôn với anh B để cả hai sớm tạo lập cuộc sống mới.

3. *Về nuôi con chung*: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 21/11/2017. Quá trình giải quyết cả chị A và anh B đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Xét thấy cháu C còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ, chị A có đủ điều kiện chăm sóc và nguyện vọng của chị A là hoàn toàn chính đáng. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình cần giao cháu Nguyễn Minh C cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và phụ hợp với quy định của pháp luật, như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Do chị A không yêu cầu nên việc đóng góp nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh B có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung; công nợ chung; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Cả chị A và anh B đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị

quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Toà án.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án. Xử

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh B.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 21/11/2017 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Anh Nguyễn Mạnh B có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0002359, ngày 04/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị A đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/10/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND huyện Khoái Châu;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đại Tập.*
- *Chi cục THADS huyện KC;*
- *Lưu: Hồ sơ, Vp.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Trĩnh